TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05-01-2023
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 444/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2022/QĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị L**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Đặng Văn K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh thị L trình bày: Năm 2012, bà Trịnh Thị L và ông Đặng Văn K tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/10/2013. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng qua điểm trong cuộc sống dẫn đến cải vã, ông K có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên bà L đã ra sống riêng từ đầu năm 2022 đến nay. Từ khi ra sống riêng

đến nay thì ông K cũng không có thiện chí hàn gắn vợ chồng tiếp tục chung sống nên bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có sự quan tâm chăm sóc giữa vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống nên tôi xin ly hôn với ông K.

Bà L và ông K chung sống có 01 con chung là Đặng Minh K1, sinh ngày 14/02/2012, cháu Khôi đang sống chung với ông K. Khi ly hôn, bà L đồng ý giao cháu K1cho ông K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L và ông K chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Thị L, cho bà L ly hôn với ông K. Giao con chung tên Đặng Minh K1, sinh ngày 14/02/2012 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài tài sản chung, bà L không yêu cầu giải quyết và ông K cũng không trình bày ý kiến hay yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn bà Trịnh Thị L và bị đơn ông Đặng Văn K. Bị đơn ông K đang cư trú tại Ấp 8, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về các phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông Đặng Văn K, nhưng ông K đều vắng mặt

không rõ lý do. Ông K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông K theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Năm 2012, bà Trịnh Thị L và ông Đặng Văn K tự nguyện chung sống vợ chồng, ông bà đăng ký kết hôn trễ và được Ủy ban nhân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/10/2013, nên hôn nhân của bà L và ông K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà L xác định vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dân đến cải vã và ông K cũng không chung thủy, mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng đã không còn chung sống từ đầu năm 2022 đến nay. Mặc khác, theo Biên bản xác minh ngày 09/11/2022, chính quyền địa phương xác định vợ chồng bà Lung và ông K chung sống tại địa phương, nhưng vì mâu thuẫn gia đình nên bà Lung đã bỏ nhà đi, hiện nay thì ông K và con đang sống tại địa phương. Như vậy, sự việc bà Lung và ông K chung sống xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của bà L cũng như tài liệu chứng cứ bà L cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà L được ly hôn với ông K là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Trịnh Thị L xác định vợ chồng chung sống có 01 con chung là Đặng Minh K1, sinh ngày 14/02/2012, cháu K1 đang sống cùng ông K. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào giấy khai sinh bà L cung cấp và Biên bản xác minh chính quyền địa phương thì địa phương cũng xác định con chung đang sống với ông K tại địa phương và vẫn khỏe mạnh phát triển bình thường, như vậy lời trình bày của bà L là có căn cứ, đúng sự thật. Xét thấy, tuy không ghi nhận được ý kiến của cháu Khôi, nhưng cháu K1 là bé trai và hiện đang sống với ông K, cháu vẫn đang phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu K1 được ổn định, không bị thay đổi thì cần giao cháu cho ông K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông K không có ý kiến yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L. Về tài sản chun, bà L xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông K về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung, bà L xác định không có nợ chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông K về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trịnh Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Thị L đối với ông Đặng Văn K. Cho bà Trịnh Thị L được ly hôn ông Đặng Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Minh K1, sinh ngày 14/02/2012 cho ông Đặng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà L.

Bà Trịnh Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị L không yêu cầu giải quyết và ông Đặng Văn K không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trịnh Thị L xác định không có nợ chung và ông Đặng Văn K không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004447 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt